TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA ĐÀN** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **14**/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 27/7/2020
V/v: Ly hôn giữa anh T và chị M

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà : **Ông Phan Quang Sơn**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Hữu Như Ngọc**
2**. Ông Hồ Trung Huyến**

- *Thư ký phiên toà*: **Bà Hoàng Thị Lan** - cán bộ TAND huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà*: **Bà Trần Thị Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn - tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14 ngày 10 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **anh Vũ Văn T**, sinh năm 197 (Có mặt)
Trú tại: xóm 5, xã Nghĩa Th, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An
- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị M**, sinh năm 197 (Vắng mặt)
Trú tại: xóm S, xã Nghĩa Th, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị M tự do tìm hiểu và đi đến đăng ký kết hôn vào ngày 30 tháng 9 năm 1999 tại UBND xã Nghĩa Thắng, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân được xác lập trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian chung sống với nhau hai bên không hòa thuận, xảy ra xích mích, mất tình cảm dẫn tới hay cãi nhau, bất đồng quan điểm và hai bên đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2007 cho đến nay, hiện chị M đã về bên ngoại tại xóm Sình, xã Nghĩa Th sinh sống, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa nên anh mong muốn ly hôn để ổn định cuộc sống mới.

Về quan hệ nuôi con chung: anh và chị M có 02 con chung là Vũ Văn S, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2000 và Vũ Văn S sinh ngày 22 tháng 8 năm 2004. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu S còn cháu S đã đủ tuổi trưởng thành và đã đi làm ăn xa.

Về quan hệ tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, chị có mặt tại nhà, nhận giấy báo của Tòa án nhưng không có mặt tại các buổi lấy lời khai, hòa giải, công khai chứng cứ, tài liệu cũng như vắng mặt tại các phiên tòa.

Có mặt tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa, thư ký phiên tòa và của Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ quy định của pháp luật. Qúa trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật, đúng thời gian và trình tự thu thập chứng cứ của đương sự. Đối với các đương sự thì bị đơn đã không chấp hành theo quy định của pháp luật. Vì vậy cần áp dụng quy định của pháp luật về sự vắng mặt của đương sự để giải quyết vụ án. Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là cho anh Vũ Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị M. Anh T và chị M có 02 con chung là Vũ Văn S sinh ngày 07 tháng 5 năm 2000 và Vũ Văn S 22/8/2004, nay cháu S đã lớn và trưởng thành, tự lao động để nuôi sống bản thân, cháu Sang sống với anh T từ nhỏ nên cần tiếp tục để cháu S cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục. Về án phí, buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về tài sản đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị M là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Theo tìm hiểu tại địa phương giữa anh anh T và chị M có mâu thuẫn với nhau từ lâu, hay chửi bới nhau, không tôn trọng nhau và không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, mặc dù ở gần nhau nhưng không ai quan tâm đến ai nữa, mỗi người sống một nơi. Mâu thuẫn như vậy là trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của anh T là cho anh T được ly hôn chị M.

[2] Về nuôi con chung: anh T và chị M có 02 con chung là Vũ Văn S, sinh ngày 07 tháng 5 năm 2000 và Vũ Văn S sinh ngày 22/8/2004. Hiện nay cháu S đã đủ tuổi trưởng thành và tự lao động để nuôi sống bản thân, đối với cháu S đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng vì vậy cần tiếp tục giao cháu S cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hoãn cấp dưỡng cho chị M do anh T không yêu cầu.

[3] Về chia tài sản chung: anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: áp dụng điều 147 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án buộc đương sự phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điều 35, khoản 4 Điều 147, các Điều 266, 271, 273, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 51, điều 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 xử:

1.Về hôn nhân: Cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị M.

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh Vũ Văn T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Vũ Văn S sinh ngày 22/8/2004. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Mến do anh T không yêu cầu. Khi có lý do chính đáng thì có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3.Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: anh Vũ Văn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp đủ số tiền trên theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003439 ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Nghĩa Đàn;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Đàn;
- Các đương sự;
- UBND xã Nghĩa Thắng, Nghĩa Đàn;
(Nơi thực hiện ĐKKH);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quang Sơn